

Số: /BC-SCT

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQGXDNTM) giai đoạn 2016 – 2020 đối với tiêu chí số 4 về Điện nông thôn và Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Công văn số 1130/CTĐP-KHTH ngày 17/12/2020 của Cục Công Thương địa phương về việc báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình MTQGXDNTM giai đoạn 2016-2020, Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn và Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn cụ thể như sau:

I. Đánh giá những kết quả đạt được giai đoạn 2016-2020 (Tiêu chí số 4 và số 7)

1. Về ban hành cơ chế chính sách, chỉ đạo triển khai:

1.1. Cơ quan chức năng của tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cụ thể:

- Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Nghị Quyết số 03-NQ/TU ngày 13/10/2011 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi khóa XVIII về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Kết luận số 30-KL/TU ngày 26/4/2016 Kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi lần thứ 3 Khóa XIX về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- HĐND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 21/10/2011 về việc thông qua Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 9/12/2017 Quy định định mức kinh phí hỗ trợ việc tổ chức, thực hiện lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 Quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã và khen thưởng công trình phúc lợi cho huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 25/11/2011 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 về việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2015; Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 ban hành quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020; Công văn số 1083/UBND-NNTN ngày 03/3/2017 về việc giao nhiệm vụ thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 về việc Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã và khen thưởng công trình phúc lợi cho huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020. Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về bộ tiêu chí của tỉnh Quảng Ngãi về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

1.2 Việc chỉ đạo triển khai thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn:

Thực hiện Tiêu chí số 4 về điện trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Sở Công Thương hướng dẫn UBND các huyện, các đơn vị quản lý vận hành lưới điện thực hiện đánh giá hiện trạng về kỹ thuật lưới điện trên toàn tỉnh; kiểm tra đối chiếu với các quy định trong Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 về phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện huyện nông thôn mới trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; có kế hoạch đầu tư, cải tạo lưới điện hàng năm.

Hiện nay một số khu vực nông thôn, miền núi lưới điện hiện tại chưa đảm bảo theo tiêu chí nông thôn mới. Để phát triển nguồn và lưới điện ở khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh, cấp điện phục vụ nhân dân đạt theo tiêu chí nông thôn mới, Sở Công Thương đã tham mưu UBND tỉnh lập dự án đầu tư cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020, Tiểu dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2020. Dựa trên nguồn vốn được phân bổ, Sở Công Thương Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế dự án tại

huyện Ba Tơ và Sơn Hà; triển khai thi công công trình cấp điện cho các xã Ba Vì, Ba Tiêu, Ba Giang, Ba Điền, Ba Tô, Ba Ngạc, Ba Xa huyện Ba Tơ; thẩm định trình phê duyệt và đang triển khai thi công công trình cấp điện 03 xã còn lại của huyện Ba Tơ (Ba Cung, Ba Bích và xã Ba Dinh và 13 xã của huyện Sơn Hà). Khi dự án được triển khai, sẽ mở rộng lưới điện, cung cấp điện cho các hộ dân thuộc vùng sâu vùng xa của các huyện miền núi nhằm đảm bảo đạt tiêu chí số 4 về điện tại các địa phương này.

1.3 Việc chỉ đạo, triển khai thực hiện tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

- Giai đoạn 2016-2019 Sở Công Thương Quảng Ngãi đã tham mưu UBND tỉnh Quảng Ngãi, chỉ đạo UBND các huyện, thành phố căn cứ quy định tại Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 để thực hiện, xem xét, đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí số 7.

- Giai đoạn 2016-2020 Sở Công Thương được UBND tỉnh Quảng Ngãi phân công theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, hỗ trợ 05 xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới gồm: Nghĩa Thương, Nghĩa Điền, Tịnh Sơn, Tịnh Đông, Tịnh Thọ đạt kế hoạch đạt chuẩn xã nông thôn mới, Sở Công Thương Quảng Ngãi đã phối hợp với UBND các huyện, các Sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các xã nói trên tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc triển khai thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến nay đã có 05 xã: Nghĩa Thương, Nghĩa Điền, Tịnh Sơn, Tịnh Đông, Tịnh Thọ đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Kết quả chung đến tháng 12 năm 2020

- Số xã đạt 19/19 tiêu chí của địa phương: 90 xã.
- Số tiêu chí đạt bình quân/xã của địa phương: 15,14 tiêu chí/xã.
- Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 02 huyện (huyện Nghĩa Hành và huyện Tư Nghĩa).

3. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới đối với tiêu chí số 4 và số 7

3.1. Tiêu chí số 4

a. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống điện nông thôn.

Sở Công Thương đã tổ chức xây dựng hoàn thành Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2025 và có xét đến năm 2035 đã được Bộ Công Thương phê duyệt Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110KV và UBND tỉnh phê duyệt Hợp phần chi tiết phát triển lưới điện sau các trạm biến áp 110 kV. Hiện nay Sở Công Thương đang theo dõi việc triển khai thực hiện theo Quy hoạch được duyệt.

b. Khái quát hiện trạng điện nông thôn của địa phương. Những tồn tại hiện nay và phương án cải thiện:

- Lưới điện nông thôn trước đây, phần lớn do HTX, UBND xã, huyện huy động nhân dân đóng góp, vốn ngân sách địa phương để đầu tư, ... Trong đó, giai đoạn 1992÷2002, lưới điện nông thôn được đầu tư từ chủ yếu từ vốn HTX, huy động nhân dân đóng góp. Đến giai đoạn 2001÷2004, dự án cấp điện nông thôn từ vốn vay ngân hàng thế giới WB (Dự án RE I) được đầu tư trong đó tập trung khu vực miền núi, vùng chưa có điện và vốn ngân sách trung ương. Đến giai đoạn 2004-2012, dự án năng lượng nông thôn II - REII, dự án cải tạo lưới điện phân phối nông thôn – RD được triển khai. Sau khi Dự án năng lượng nông thôn II (RE II) tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2013. Dự án đã thực hiện cải tạo và mở rộng lưới điện trung hạ thế vùng nông thôn của 72 xã thuộc 6 huyện đồng bằng, Dự án hoàn thành đảm bảo các yêu cầu cấp điện cho các xã tham gia dự án. Bình quân mỗi xã đầu tư khoảng 3,5 tỷ đồng để xây dựng, nâng cấp cả phần trung áp và hạ áp theo đúng quy chuẩn; chất lượng lưới điện sau đầu tư được nâng lên, tổn thất điện năng dưới 10%. Phần lớn các xã tham gia dự án có hệ thống lưới điện đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Đối với những xã có lưới điện do ngành điện quản lý bán lẻ trực tiếp đến hộ sử dụng điện. Trong những năm qua, ngành điện đã tiến hành khảo sát và lập kế hoạch bố trí nguồn vốn đầu tư. Hiện nay ngành điện đã và đang triển khai đầu tư cải tạo, xây dựng lưới điện tại các địa phương này để đảm bảo tiêu chí về điện. Đối với những xã thuộc huyện miền núi, một số xã có tỷ lệ số hộ dân sử dụng điện đạt dưới 98%. Theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới thì những xã này chưa đạt.

- Phương án cải thiện:

Trong các năm qua ngành điện đã từng bước mở rộng nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện lưới điện (qua các dự án cấp ngân Lỳ Sơn, dự án ADB, Kwf, dự án DEP Đức Phổ...); ngoài ra dự án cấp điện nông thôn của tỉnh Quảng Ngãi cũng đã mở rộng lưới điện tại huyện Ba Tư và Sơn Hà.

Đối với 65/66 xã QNPC tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn từ năm 2015 đến nay: sau khi tiếp nhận, QNPC đã tập trung mọi nguồn lực để củng cố lưới điện, thay thế công tơ, giải quyết các dịch vụ điện kịp thời, nhanh chóng; nhìn chung sau tiếp nhận, khách hàng tin tưởng, đồng thuận. Hiện nay, QNPC đã triển khai lập các dự án đầu tư để nâng cấp lưới điện (3 tỷ đồng/xã) và triển khai thực hiện ngay sau khi có quyết định phê duyệt của EVNCPC.

c. Kết quả công tác huy động nguồn vốn, triển khai thực hiện tiêu chí (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn khác):

- Dự án của ngành điện: Trong giai đoạn 2016-2020, QNPC đã thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn trên địa bàn tỉnh với giá trị hơn 762 tỷ đồng, hàng năm tiến hành khảo sát lập kế hoạch đầu tư lưới điện để đạt tiêu chí số 4 về điện

- Nguồn vốn đầu tư từ dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2013 đến năm 2020: 85.162 triệu đồng, trong đó: Vốn trung ương: 66.900 triệu đồng. Vốn địa phương: 18.262 triệu đồng.

- Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2020 - EU tài trợ: Vốn địa phương: 1.000 triệu đồng. Vốn trung ương – EU tài trợ : 100.000 triệu đồng.

d. Công tác tổ chức quản lý điện nông thôn hiện nay:

Đến nay, QNPC đã cung cấp điện cho 13/13 huyện, thị xã, thành phố; 173/173 xã, phường, thị trấn đã có điện, đạt 100%; riêng đảo An Bình, huyện Lý Sơn dùng điện phát diesel và hệ thống pin năng lượng mặt trời. Số hộ dân có điện đạt tỷ lệ 99,68%. QNPC bán điện trực tiếp đến 99,72% số hộ toàn tỉnh tại 173 xã, phường, thị trấn. Hiện nay, trên địa bàn Tỉnh, còn HTXNN Bình Hiệp thuộc huyện Bình Sơn đang mua buôn và bán điện trực tiếp khoảng 992 hộ; QNPC và HTXNN Bình Hiệp đang phối hợp triển khai bàn giao lưới điện hạ áp nông thôn để bán điện đến hộ dân theo phương án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

e. Tình hình thực hiện tiêu chí số 4; Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4/tổng số xã toàn tỉnh: Kết quả thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn giai đoạn 2016-2020 đến ngày 31/12/2020 có 144/148 xã đạt tiêu chí số 4 về Điện, chi tiết như phụ lục đính kèm (*phụ lục 01 đính kèm*).

3.2 Tiêu chí số 7

a. Công tác lập quy hoạch và phê duyệt quy hoạch hệ thống hạ tầng thương mại, cơ sở hạ tầng thương mại của địa phương.

Sở Công thương Quảng Ngãi đã thực hiện Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 26/3/2014, Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến 2020; Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến 2020 trong đó quy hoạch hệ thống hạ tầng thương mại gồm chợ và hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại đến năm 2020 được thực hiện rõ ràng; công tác theo dõi, đánh giá tình hình phát triển chợ được thực hiện thường xuyên.

Theo quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 178 chợ (*04 chợ hạng 1; 26 chợ hạng 2, 148 chợ hạng 3; đồng thời, di dời, giải tỏa 22 chợ, nâng cấp, mở rộng 19 chợ; đầu tư xây dựng mới 69 chợ*); 18 siêu thị (*08 siêu thị hạng 02, 10 siêu thị hạng 3*); 02 trung tâm Logistics; 02 kho hàng.

b. Khái quát hiện trạng cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn của địa phương.

- **Về chợ:** Tỉnh Quảng Ngãi hiện nay có 146 chợ đang hoạt động trong quy hoạch (*03 chợ hạng 1; 10 Chợ hạng 2 và 133 chợ hạng 3*). Trong đó: Tại địa bàn thành thị có 19 chợ (chợ tại các phường, thị trấn); tại địa bàn nông thôn có 127 chợ (*chợ tại địa bàn các xã, gồm 4 chợ hạng 2, 123 chợ hạng 3*).

+ **Siêu thị:** Có 08 siêu thị đang hoạt động trong quy hoạch (*gồm 02 siêu thị hạng 1, 01 siêu thị hạng 2, 05 siêu thị hạng 3*). Trong đó: trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi có 06 siêu thị; địa bàn huyện có 02 siêu thị hạng 3. Hiện tại, có 04 siêu thị đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, đang trong quá trình triển khai thực hiện.

+ **Trung tâm thương mại:** Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 Trung tâm thương mại đang hoạt động gồm: Trung tâm thương mại Vincom Plaza và Trung tâm thương mại và Siêu thị Hùng Cường Big C.

c. Đánh giá kết quả công tác huy động nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

- Vốn đầu tư giai đoạn 2016 đến tháng 12 năm 2020: Tổng vốn đầu tư là 27,2 triệu đồng (*Trong đó: Ngân sách địa phương: 5,5 tỷ đồng, doanh nghiệp: 21,7 tỷ đồng*).

Nhìn chung, đối với các xã có điều kiện kinh tế khó khăn, nguồn vốn đầu tư xây dựng chợ đạt chuẩn nông thôn mới chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước; chỉ có một số ít các xã kinh tế - xã hội phát triển vị trí địa lý, giao thông, lưu thông hàng hóa thuận lợi mới thu hút được các nhà đầu tư tham gia đầu tư khai thác, quản lý chợ theo hình thức xã hội hóa, góp phần hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí số 7.

d. Tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

- Giai đoạn 2016-2020 việc xem xét công nhận xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn được Sở Công Thương Quảng Ngãi thực hiện theo đúng hướng dẫn quy định tại Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Kết quả lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020: Tính đến ngày 30/12/2020 Sở Công Thương Quảng Ngãi đã thẩm định, xác nhận có 97 xã/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới về Tiêu chí số 7 cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 98,98% kế hoạch; trong đó, 27 xã không có nhu cầu đầu tư xây dựng chợ (*15 xã có cửa hàng tổng hợp, 02 xã không quy hoạch xây dựng chợ, 10 xã có quy hoạch xây dựng chợ nhưng chưa có nhu cầu đầu tư chợ*) và 70 xã có chợ được đầu tư đạt chuẩn. Nguồn vốn đầu tư chợ nông thôn chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước (*đính kèm phụ lục số 02*).

4. Kết quả tham gia, phối hợp thực hiện tiêu chí về giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn

4.1 Về Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn:

- Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nông thôn, hầu hết các huyện đồng bằng nông thôn đều có tiềm năng lợi thế để phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay mô hình chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp (viết tắt là CCN) trên địa bàn tỉnh là UBND cấp huyện hoặc được giao/phân cấp cho các Ban quản lý CCN, Phòng Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện làm chủ đầu tư và chủ yếu sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước nên rất hạn chế, bị động; vấn đề này hiện nay ít phù hợp với xu thế xã hội hoá, hợp tác theo hình thức đối tác công tư theo tinh thần Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN.

- Nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực của các huyện, thành phố, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư cho phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, gắn kết phục vụ sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất, góp phần phát triển kinh tế xã hội. Từ năm 2003, tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp (*Quyết định số 26/QĐ-UB ngày 24/02/2003 về việc phê duyệt Quy hoạch định hướng phát triển các Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2002 – 2010*). Đến nay toàn tỉnh đã có 22 CCN được thành lập với tổng diện tích là 279,43 ha; trong đó đã có 18 CCN đang hoạt động với diện tích 269,4 ha và 84 dự án đang hoạt động. Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh đến tháng 12/2018 khoảng 248,39 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương 16 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 103,59 tỷ đồng, ngân sách huyện và vốn vay tín dụng ưu đãi 128,8 tỷ đồng.

- Năm 2017 tổ chức bình chọn và tôn vinh sản phẩm công nghiệp nông thôn (CNNT) tiêu biểu cấp quốc gia. Kết quả, tỉnh Quảng Ngãi có 04 sản phẩm CNNT đạt giải quốc gia; 102 sản phẩm CNNT đạt giải quốc gia toàn quốc.

- Một số sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu: nông lâm thủy sản chế biến, hải sản chế biến, đường chế biến, bún, bánh tráng,... Một số Cụm Công nghiệp đã thu hút được doanh nghiệp có quy mô lớn giải quyết nhiều việc làm như may Vinatex (CCN Phổ Hòa – Đức Phổ), sửa chữa và đóng tàu gỗ và tàu composite (Tịnh Kỳ),...

4.2 Về thương mại:

- **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ:** Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân giai đoạn 2016-2020 là 8,7%. Hiện nay tình hình kinh tế, thu nhập, đời sống của người dân ngày càng nâng cao. Hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng, trung tâm mua sắm thuận lợi; hàng hóa phong phú đa dạng, nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn. Ngoài ra hoạt động du lịch của tỉnh từng bước phát triển góp phần tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

- Triển khai thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” theo Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 5801/KH-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Sở Công Thương Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện thành công 03 Điểm bán hàng Việt tại xã Tịnh Sơn huyện Sơn Tịnh, xã Phổ Cường thị xã Đức Phổ, xã Thanh An huyện Minh Long đã góp phần hỗ trợ UBND xã Tịnh Sơn, Phổ Cường, Thanh An đạt tiêu chí số 7 về xây dựng nông thôn mới và hoàn thành kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018, 2019, 2020.

- Triển khai 03 Lớp tập huấn “Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng bán hàng Việt cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh Việt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”. 05 lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý chợ cho các cán bộ quản lý chợ

của UBND các huyện, xã, các hợp tác sản, ban quản lý, tổ quản lý chợ, các doanh nghiệp kinh doanh và khai thác chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Các mô hình tiên tiến, cách làm hay về phát triển chợ nông thôn, phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề.

Thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; xây dựng và triển khai mô hình thí điểm Điểm bán hàng Việt với tên gọi “Tự hào Việt Nam”. Triển khai Mô hình thí điểm Điểm bán hàng Việt với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam” từ nguồn ngân sách tỉnh và Bộ Công Thương, hiện Quảng Ngãi có 09 điểm tại các huyện Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tơ, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tây, Minh Long.

Tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu; quảng bá, đưa các mặt hàng đặc sản đặc trưng của Tỉnh Quảng Ngãi vào các hệ thống siêu thị, trung tâm phân phối trong và ngoài tỉnh góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất. Thông qua các hoạt động này Sở Công Thương Quảng Ngãi đã giới thiệu Bộ Công Thương các loại nông sản, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh để Bộ Công Thương giới thiệu vào hệ thống siêu thị, các chuỗi phân phối. Hiện nay sản phẩm mang thương hiệu Tỏi Lý Sơn “Vua Tỏi” của Công ty TNHH MTV Hải đảo Lý Sơn đã tham gia vào hệ thống phân phối của Siêu thị Big C, chuỗi cửa hàng VinMart; các sản phẩm của Ban Quản lý dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên huyện Sơn Hà như: Gà kiến Sơn Hà, rau dớn, ớt rừng, rau ngót rừng, bắp chuối rừng đã tham gia vào hệ thống phân phối của Siêu thị Big C.

Thực hiện Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 16/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 3041/QĐ-BCT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành và áp dụng Bộ tiêu chí, mẫu thiết kế Biểu hiệu/ Biểu tượng cho điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP của Bộ Công Thương; Sở Công Thương xây dựng kế hoạch số 1061/KH-SCT ngày 23/06/2020 xây dựng Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2020, Sở Công Thương đã triển khai xây dựng 02 Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại thành phố Quảng Ngãi và huyện Mộ Đức nhằm quảng bá, giới thiệu và đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm OCOP; sản phẩm dự kiến lựa chọn hoàn thiện, nâng cấp trong chương trình OCOP của tỉnh; sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh; các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; các sản phẩm là đặc trưng, đặc sản, tiềm năng, lợi thế của tỉnh Quảng Ngãi như: hành lý sơn, tỏi lý sơn, gà kiến Sơn hà, gà đen Sơn Hà, kẹo gương, bò khô, quế trà bồng các loại, mạch nha Thy Thảo, mạch nha Kim Hồng, bánh tráng Huy Cường, nước mắm Phát Hải, nước mắm Phương Loan, nước mắm Đức Hải, nấm Đức Nhuận, trứng gà, măng tây Mộ Đức, và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Quảng Ngãi.

6. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm

6.1 Kết quả đạt được

a. Tiêu chí số 4:

Nhìn chung, trong những năm qua, việc đầu tư lưới điện nông thôn đã được các cấp, các ngành trong tỉnh và ngành điện quan tâm triển khai thực hiện. Đến nay, toàn tỉnh có 148/148 xã có điện, chiếm tỷ lệ 100% (trong đó xã An Bình, huyện Lý Sơn sử dụng điện bằng năng lượng mặt trời kết hợp Diesel). Việc phát triển hệ thống lưới điện trong thời gian qua đã góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của người dân khu vực nông thôn, miền núi. Tuy nhiên, để đảm bảo theo đúng 100% các qui định của tiêu chí số 4 về điện nông thôn mới, trong thời gian đến cần phải tiếp tục đầu tư cải tạo, mở rộng lưới điện, đặc biệt là các địa phương đặc biệt khó khăn, nơi sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng sâu, vùng xa.

b. Tiêu chí số 7:

- Được sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh và sự phối hợp của các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư nâng cấp và phát triển theo đúng Quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, lưu thông hàng hóa, góp phần giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn, tạo được nguồn thu cho ngân sách địa phương.

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh trong quản lý nhà nước về đầu tư, phát triển chợ trên địa bàn tỉnh đã dần hoàn thiện.

- Các thành phần kinh tế đã tham gia đầu tư vào lĩnh vực chợ ngày càng tăng, cơ sở vật chất được đầu tư kiên cố, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch ngành hàng, sắp xếp ổn định trật tự kinh doanh trong chợ, từng bước đưa hoạt động kinh doanh trong chợ theo hướng văn minh thương mại.

- Số lượng, chủng loại hàng hoá tại một số chợ ngày càng phong phú và đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu của người dân.

- Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm tại các chợ được các ngành chức năng quan tâm hướng dẫn, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường đã hướng dẫn tiêu thương chấp hành tốt các quy định pháp luật trong kinh doanh thương mại.

6.2. Hạn chế, tồn tại

- **Những khó khăn khi thực hiện tiêu chí số 4 về điện:** Để đảm bảo tiêu chí về điện cho việc triển khai thực hiện chương trình nông thôn mới, khó khăn lớn nhất hiện tại vẫn là vốn; cần có sự hỗ trợ đồng bộ từ Chính phủ và các Bộ ngành, có cơ chế, hướng dẫn huy động vốn. Đặc biệt, cần ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách, vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi trong nước để thực hiện nâng cấp cải tạo lưới điện, nhằm đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất của các xã xây dựng nông thôn mới.

- **Để đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng nông thôn:** Về việc xây dựng chợ nông thôn, UBND một số xã đã bố trí vốn đầu tư xây dựng chợ đảm bảo đạt chuẩn theo Quy định tại Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày

08/12/2016 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí và xét công nhận Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020. Tuy nhiên, do sức mua và số lượng hộ tiêu thương thực tế của địa phương nhỏ hoặc rất nhỏ so với quy mô chợ đã được đầu tư nên không thể sử dụng hết các hạng mục của chợ đã đầu tư, gây lãng phí, không hiệu quả. Trước khi đầu tư xây dựng chợ, chính quyền địa phương chưa thực hiện tốt việc khảo sát, đánh giá sức mua, thói quen tiêu dùng của người dân tại địa phương nên đầu tư xây dựng chợ tại những vị trí không thuận lợi cho việc mua bán hoặc đầu tư chợ có quy mô lớn hơn so với nhu cầu thực tế, không sử dụng hết công năng, hạng mục đã đầu tư, gây lãng phí nguồn lực.

Hầu hết các chợ ở địa bàn nông thôn, miền núi đều có quy mô nhỏ và rất nhỏ, thời gian họp chợ từ 01 đến 02 giờ mỗi ngày, hàng hóa kinh doanh tại chợ chủ yếu là các mặt hàng tiêu dùng hàng ngày, việc kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư, khai thác, quản lý chợ dưới hình thức xã hội hóa nhằm đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí số 7 gặp nhiều khó khăn.

6.3 Những bài học kinh nghiệm

- Cần có sự chỉ đạo kịp thời của cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền và sự phối hợp của các cơ quan chức năng liên quan trong việc thực hiện Chương trình. Mỗi cơ quan, đơn vị cần xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Chương trình hiệu quả.

- Công tác tuyên truyền cần được tiến hành thường xuyên, dưới các hình thức khác nhau nhằm đảm bảo hiệu quả tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động, linh hoạt cho địa phương hoàn thành tiêu chí 4, tiêu chí 7 phù hợp đặc thù từng địa phương.

- Bố trí nguồn kinh phí đủ, kịp thời để triển khai, thực hiện hiệu quả các chương trình.

- Các địa phương phải chủ động đầu tư, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng các tiêu chí số 4, tiêu chí số 7 đã đạt chuẩn nông thôn mới những đã xuống cấp nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt được.

II. Kế hoạch thực hiện sau năm 2020

1. Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2025-2030 thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý Nhà nước:

- **Tiêu chí số 4 về điện nông thôn:** Tập trung đẩy mạnh đầu tư mở rộng, cải tạo lưới điện trung, hạ áp; xây dựng mới và nâng công suất các trạm biến áp hiện có để tạo sự đồng bộ về hạ tầng hệ thống điện, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án điện đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện hạ áp nông thôn, nâng tỷ lệ hộ dùng điện thường xuyên, an toàn tại các xã nông thôn chưa đạt chuẩn về tiêu chí số 4 về điện.

- **Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:** Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại

nông thôn theo Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện kế hoạch của UBND tỉnh, Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi phân công.

2. Giải pháp chủ yếu để thực hiện

- **Tiêu chí số 4 về điện nông thôn:** Tiếp tục triển khai thực hiện dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020.

- **Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:** Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tiêu chí số 7 – về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

3. Những đề xuất, kiến nghị

- **Về tiêu chí số 4:** Để đảm bảo các xã còn lại đạt tiêu chí về điện nông thôn mới trong giai đoạn đến, kính đề nghị các bộ ngành Trung ương tiếp tục bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện dự án đầu tư cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020.

- **Về tiêu chí số 7:** Đối với các chợ nông thôn gặp khó khăn trong việc kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, quản lý chợ, kính đề nghị Bộ Công Thương, bố trí vốn để đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các chợ trong quy hoạch để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới sau năm 2020.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQGXDN TM) giai đoạn 2016 - 2020 đối với Tiêu chí số 4 về điện nông thôn và Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Sở Công Thương Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh;
- Cục Công Thương Địa phương;
- Cục Điện Lực và Năng lượng tái tạo;
- Vụ Thị trường trong nước;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VP điều phối NTM tỉnh Quảng Ngãi;
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng: VPS, KHTCTH, QLNL, QLTM;
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Tiến Đạt

Phụ lục 01

Kết quả thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn giai đoạn 2016-2020
(Kèm theo báo cáo số 08/BC-SCT ngày 04/01/2021 của Sở Công Thương Quảng Ngãi)

TT	Tên xã	Tiêu chí Nông thôn mới đến năm 2020			Ghi chú
		Xã đạt tiêu chí số 4.1	Xã đạt tiêu chí số 4.2	Đạt tiêu chí số 4	
1	2	3	4	5	6
I	Thành phố Quảng Ngãi				
1	Xã Tịnh Hòa	X	X	X	
2	Xã Tịnh Kỳ	X	X	X	
3	Xã Tịnh Thiện	X	X	X	
4	Xã Tịnh Ấn Đông	X	X	X	
5	Xã Tịnh Châu	X	X	X	
6	Xã Tịnh Khê	X	X	X	
7	Xã Tịnh Long	X	X	X	
8	Xã Tịnh Ấn Tây	X	X	X	
9	Xã Tịnh An	X	X	X	
10	Xã Nghĩa Phú	X	X	X	
11	Xã Nghĩa Hà	X	X	X	
12	Xã Nghĩa An	X	X	X	
13	Nghĩa Dũng	X	X	X	
14	Nghĩa Đông	X	X	X	
II	Huyện Bình Sơn				
1	Xã Bình Thuận	X	X	X	
2	Xã Bình Thạnh	X	X	X	
3	Xã Bình Đông	X	X	X	
4	Xã Bình Chánh	X	X	X	
5	Xã Bình Nguyên	X	X	X	
6	Xã Bình Khương	X	X	X	
7	Xã Bình Trị	X	X	X	
8	Xã Bình An	X	X	X	
9	Xã Bình Hải	X	X	X	
10	Xã Bình Dương	X	X	X	
11	Xã Bình Phước	X	X	X	
12	Xã Bình Hòa	X	X	X	
13	Xã Bình Trung	X	X	X	
14	Xã Bình Minh	X	X	X	
15	Xã Bình Long	X	X	X	
16	Xã Bình Thanh	X	X	X	
17	Xã Bình Tân Phú	X	X	X	
18	Xã Bình Chương	X	X	X	
19	Xã Bình Hiệp	X	X	X	
20	Xã Bình Mỹ	X	X	X	

TT	Tên xã	Tiêu chí Nông thôn mới đến năm 2020			Ghi chú
		Xã đạt tiêu chí số 4.1	Xã đạt tiêu chí số 4.2	Đạt tiêu chí số 4	
21	Xã Bình Châu	X	X	X	
III	Huyện Trà Bồng				
1	Xã Trà Giang	X	X	X	
2	Xã Trà Thủy	X	X	X	
3	Xã Trà Hiệp	X	X	X	
4	Xã Trà Bình	X	X	X	
5	Xã Trà Phú	X	X	X	
6	Xã Trà Lâm	X	X	X	
7	Xã Trà Tân	X	X	X	
8	Xã Trà Sơn	X	X	X	
9	Xã Trà Bù	X	X	X	
10	Xã Trà Thanh	X	X	X	
11	Xã Sơn Trà	X	X	X	
12	Xã Trà Phong	X	X	X	
13	Xã Hương Trà	X	X	X	
14	Xã Trà Xanh	X	X	X	
15	Xã Trà Tây	X	X	X	
V	Huyện Sơn Tịnh				
1	Xã Tịnh Thọ	X	X	X	
2	Xã Tịnh Trà	X	X	X	
3	Xã Tịnh Phong	X	X	X	
4	Xã Tịnh Hiệp	X	X	X	
5	Xã Tịnh Bình	X	X	X	
6	Xã Tịnh Đông	X	X	X	
7	Xã Tịnh Bắc	X	X	X	
8	Xã Tịnh Sơn	X	X	X	
9	Xã Tịnh Hà	X	X	X	
10	Xã Tịnh Giang	X	X	X	
11	Xã Tịnh Minh	X	X	X	
VI	Huyện Tư Nghĩa				
1	Xã Nghĩa Lâm	X	X	X	
2	Xã Nghĩa Thắng	X	X	X	
3	Xã Nghĩa Thuận	X	X	X	
4	Xã Nghĩa Kỳ	X	X	X	
5	Xã Nghĩa Sơn	X	X	X	
6	Xã Nghĩa Hòa	X	X	X	
7	Xã Nghĩa Điện	X	X	X	
8	Xã Nghĩa Thương	X	X	X	
9	Xã Nghĩa Trung	X	X	X	
10	Xã Nghĩa Hiệp	X	X	X	
11	Xã Nghĩa Phương	X	X	X	
12	Xã Nghĩa Mỹ	X	X	X	
VII	Huyện Sơn Hà				

TT	Tên xã	Tiêu chí Nông thôn mới đến năm 2020			Ghi chú
		Xã đạt tiêu chí số 4.1	Xã đạt tiêu chí số 4.2	Đạt tiêu chí số 4	
1	Xã Sơn Hạ	X	X	X	
2	Xã Sơn Thành	X	X	X	
3	Xã Sơn Nham	X	X	X	
4	Xã Sơn Bao	X	X	X	
5	Xã Sơn Linh	X	X	X	
6	Xã Sơn Giang	X	X	X	
7	Xã Sơn Trung	X	X	X	
8	Xã Sơn Thượng	X	X	X	
9	Xã Sơn Cao	X	X	X	
10	Xã Sơn Hải	X	X	X	
11	Xã Sơn Thủy	X	X	X	
12	Xã Sơn Kỳ	X	X	X	
13	Xã Sơn Ba	X	X	X	
VIII	Huyện Sơn Tây				
1	Xã Sơn Bua	X	X	X	
2	Xã Sơn Mùa	X	X	X	
3	Xã Sơn Liên		X		<i>Xã chưa đạt tiêu chí số 4</i>
4	Xã Sơn Tân	X	X	X	
5	Xã Sơn Màu	X	X	X	
6	Xã Sơn Dung	X	X	X	
7	Xã Sơn Long	X	X	X	
8	Xã Sơn Tinh	X	X	X	
9	Xã Sơn Lập	X	X	X	
IX	Huyện Minh Long				
1	Xã Long Sơn	X	X	X	
2	Xã Long Mai	X	X	X	
3	Xã Thanh An	X	X	X	
4	Xã Long Môn	X	X	X	
5	Xã Long Hiệp	X	X	X	
X	Huyện Nghĩa Hành				
1	Xã Hành Thuận	X	X	X	
2	Xã Hành Dũng	X	X	X	
3	Xã Hành Trung	X	X	X	
4	Xã Hành Nhân	X	X	X	
5	Xã Hành Đức	X	X	X	
6	Xã Hành Minh	X	X	X	
7	Xã Hành Phước	X	X	X	
8	Xã Hành Thiện	X	X	X	
9	Xã Hành Thịnh	X	X	X	
10	Xã Hành Tín Tây	X	X	X	
11	Xã Hành Tín Đông	X	X	X	
XI	Huyện Mộ Đức				
1	Xã Đức Lợi	X	X	X	

TT	Tên xã	Tiêu chí Nông thôn mới đến năm 2020			Ghi chú
		Xã đạt tiêu chí số 4.1	Xã đạt tiêu chí số 4.2	Đạt tiêu chí số 4	
2	Xã Đức Thắng	X	X	X	
3	Xã Đức Nhuận	X	X	X	
4	Xã Đức Chánh	X	X	X	
5	Xã Đức Hiệp	X	X	X	
6	Xã Đức Minh	X	X	X	
7	Xã Đức Thạnh	X	X	X	
8	Xã Đức Hòa	X	X	X	
9	Xã Đức Tân	X	X	X	
10	Xã Đức Phú	X	X	X	
11	Xã Đức Phong	X	X	X	
12	Xã Đức Lân	X	X	X	
XII	Thị xã Đức Phổ				
1	Xã Phổ An	X	X	X	
2	Xã Phổ Phong	X	X	X	
3	Xã Phổ Thuận	X	X	X	
4	Xã Phổ Nhơn	X	X	X	
5	Xã Phổ Cường	X	X	X	
6	Xã Phổ Khánh	X	X	X	
7	Xã Phổ Châu	X	X	X	
XIII	Huyện Ba Tơ				
1	Xã Ba Điền	X	X	X	
2	Xã Ba Vinh	X	X	X	
3	Xã Ba Thành		X		<i>Xã chưa đạt tiêu chí số 4</i>
4	Xã Ba Động	X	X	X	
5	Xã Ba Dinh	X	X	X	
6	Xã Ba Giang		X		<i>Xã chưa đạt tiêu chí số 4</i>
7	Xã Ba Liên	X	X	X	
8	Xã Ba Ngạc	X	X	X	
9	Xã Ba Khâm	X	X	X	
10	Xã Ba Cung	X	X	X	
11	Xã Ba Tiêu	X	X	X	
12	Xã Ba Trang	X	X	X	
13	Xã Ba Tô	X	X	X	
14	Xã Ba Bích	X	X	X	
15	Xã Ba Vì	X	X	X	
16	Xã Ba Lễ	X	X	X	
17	Xã Ba Nam		X		<i>Xã chưa đạt tiêu chí số 4</i>
18	Xã Ba Xa	X	X	X	
	Tổng số	144	148	144	4

Phụ lục 02
Kết quả thực hiện tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn giai
đoạn 2016-2020
(Kèm theo báo cáo số 08/BC-SCT ngày 05/01/2021 của Sở Công Thương Quảng
Ngãi)

TT	Tên huyện/thị xã	Lũy kế đến hết năm 2015		Kế hoạch thực hiện hết năm 2020		Ghi chú
		Số xã đạt tiêu chí CSHTTMNT	Số xã có chợ đạt chuẩn nông thôn mới	Số xã đạt tiêu chí CSHTTMNT	Số xã có chợ đạt chuẩn nông thôn mới	
I	Huyện Bình Sơn	3	1	16	13	
1	Xã Bình Dương	x	x	x	x	
2	Xã Bình Thới	x		x		
3	Xã Bình Trung	x		x		
4	Xã Bình Minh			x	x	
5	Xã Bình Trị			x	x	
6	Xã Bình Nguyên			x	x	
7	Xã Bình Mỹ			x	x	
8	Xã Bình Long			x	x	
9	Xã Bình Thanh			x	x	
10	Xã Bình Thạnh			x	x	
11	Xã Bình Khương			x	x	
12	Xã Bình Hiệp			x	x	
13	Xã Bình Phước			x	x	
14	Xã Bình Tân Phú			x	x	
15	Xã Bình Chương			x		CHTH
16	Bình Hòa			x	x	
17	Xã Bình Thuận					
18	Xã Bình Đông					
II	Huyện Sơn Tịnh	1	1	11	8	
1	Xã Tịnh Giang	x	x	x	x	
2	Xã Tịnh Bắc			x	x	
3	Xã Tịnh Minh			x	x	
4	Xã Tịnh Trà			x	x	
5	Xã Tịnh Sơn			x		CHTH
6	Xã Tịnh Hà			x	x	
7	Xã Tịnh Đông			x	x	
8	Xã Tịnh Phong			x	x	
9	Xã Tịnh Hiệp			x		CHTH
10	Xã Tịnh Bình			x	x	
11	Xã Tịnh Thọ			x		CHTH
III	Huyện Tư Nghĩa	2	2	13	8	
1	Xã Nghĩa Lâm	x	x	x	x	
2	Xã Nghĩa Hòa	x	x	x	x	
3	Xã Nghĩa Thương			x	x	

TT	Tên huyện/thị xã	Lũy kế đến hết năm 2015		Kế hoạch thực hiện hết năm 2020		Ghi chú
		Số xã đạt tiêu chí CSHTTMNT	Số xã có chợ đạt chuẩn nông thôn mới	Số xã đạt tiêu chí CSHTTMNT	Số xã có chợ đạt chuẩn nông thôn mới	
4	Xã Nghĩa Phương			x	x	
5	Xã Nghĩa Sơn			x		
6	Xã Nghĩa Kỳ			x	x	
7	Xã Nghĩa Thuận			x		
8	Xã Nghĩa Điền			x		
9	Xã Nghĩa Hiệp			x	x	
10	Xã Nghĩa Trung			x	x	
11	Xã Nghĩa Mỹ			x		
12	Xã Nghĩa Thắng			x	x	
13	Xã Nghĩa Thọ			x		
IV	Huyện Nghĩa Hành	3	3	11	11	
1	Xã Hành Minh	x	x	x	x	
2	Xã Hành Thịnh	x	x	x	x	
3	Xã Hành Thuận	x	x	x	x	
4	Xã Hành Phước			x	x	
5	Xã Hành Đức			x	x	
6	Xã Hành Trung			x	x	
7	Xã Hành Dũng			x	x	
8	Xã Hành Nhân			x	x	
9	Xã Hành Thiện			x	x	
10	Xã Hành Tín Đông			x	x	
11	Xã Hành Tín Tây			x	x	
V	Huyện Mộ Đức	2	0	12	8	
1	Xã Đức Tân	x		x		
2	Xã Đức Nhuận	x		x		
3	Xã Đức Thạnh			x	x	
4	Xã Đức Hòa			x		
5	Xã Đức Hiệp			x	x	
6	Xã Đức Phú			x		
7	Xã Đức Chánh			x	x	
8	Xã Đức Thắng			x	x	
9	Xã Đức Lợi			x	x	
10	Xã Đức Minh			x	x	
11	Xã Đức Lân			x	x	
12	Xã Đức Phong			x	x	
VI	Huyện Đức Phổ	2	1	10	8	
1	Xã Phổ Vinh	x	x	x	x	
2	Xã Phổ Hòa	x		x		
3	Xã Phổ An			x	x	
4	Xã Phổ Thuận			x	x	

TT	Tên huyện/thị xã	Lũy kế đến hết năm 2015		Kế hoạch thực hiện hết năm 2020		Ghi chú
		Số xã đạt tiêu chí CSHTTMNT	Số xã có chợ đạt chuẩn nông thôn mới	Số xã đạt tiêu chí CSHTTMNT	Số xã có chợ đạt chuẩn nông thôn mới	
5	Xã Phổ Quang			x	x	
6	Xã Phổ Ninh			x	x	
7	Xã Phổ Văn			x	x	
8	Xã Phổ Châu			x	x	
9	Xã Phổ Cường			x		CHTH
10	Xã Phổ Phong			x	x	
VII	TP Quảng Ngãi	2	2	14	8	
1	Xã Tịnh Châu	x	x	x	x	
2	Xã Tịnh Khê	x	x	x	x	
3	Xã Nghĩa Phú			x	x	
4	Xã Tịnh Ấn Tây			x		
5	Xã Tịnh An			x	x	
6	Xã Tịnh Long			x	x	
7	Xã Tịnh Kỳ			x		
8	Xã Nghĩa An			x		
9	Xã Tịnh Ấn Đông			x	x	
10	Xã Tịnh Hòa			x		
11	Xã Nghĩa Hà			x	x	
12	Xã Tịnh Thiện			x	x	
13	Xã Nghĩa Dũng			x		CHTH
14	Xã Nghĩa Đông			x		CHTH
VIII	Huyện Ba Tơ			1	1	
1	Xã Ba Động			x	x	
2	Xã Ba Cung					
IX	Huyện Minh Long			2	1	
1	Xã Long Sơn			x	x	
2	Xã Thanh An			x		CHTH
X	Huyện Sơn Hà			2	1	
1	Xã Sơn Thành			x		
2	Xã Sơn Hạ			x	x	
XII	Huyện Trà Bồng			2	1	
1	Xã Trà Bình			x	x	
2	Xã Trà Phú			x		CHTH
XII	Huyện Lý Sơn			3	2	
1	Xã An Hải			x	x	
2	Xã An Vĩnh			x	x	
3	Xã An Bình			x		
Số xã đạt tiêu chí		15	10	97	70	

